

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày: 23- 02-2024
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Kim Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Anh Đại;

Bà Hà Thị Hồng Thu.

Thư ký phiên toà: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần V; địa chỉ: Số *, L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D; chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người được ủy quyền lại:

- Ông Ngô Tuấn A - Trưởng bộ phận xử lý nợ, vắng mặt;
- Ông Nguyễn Ngọc H - Chuyên viên xử lý nợ, có mặt;
- Ông Hoàng Văn D - Chuyên viên xử lý nợ, có mặt

Cùng địa chỉ: Tầng *, Tòa nhà V, số **, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (văn bản ủy quyền số 99 ngày 15/12/2023).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N; địa chỉ: Số *, đường L, khu đô thị P, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Cao Xuân H; địa chỉ: Số *, đường L, khu đô thị P, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây viết là V) trình bày:

Ngày 22/4/2022, bà Nguyễn Thị N và Ông Cao Xuân H đã ký hợp đồng tín dụng số LN2204055516324 và khế ước nhận nợ kèm theo với V để vay số tiền 1.053.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng, mục đích sử dụng vốn là để mua xe ô tô hiệu Hyundai Santafe 2.5 xăng 2021 mới 100%, lãi xuất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9,3 %/năm, lãi xuất được điều chỉnh qua từng thời kỳ. Lãi xuất quá hạn bằng 150 % lãi xuất trong hạn. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là xe ô tô hiệu Hyundai Santafe 2.5, biển kiểm soát * theo hợp đồng thế chấp số LN22040555163, ngày 22/4/2022 được ký kết giữa V và chị Nguyễn Thị N và Ông Cao Xuân H.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng thì bà Nguyễn Thị N và Ông Cao Xuân H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/2/2023. V đã nhiều lần đôn đốc bà Nguyễn Thị N và Ông Cao Xuân H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà Nguyễn Thị N và Ông Cao Xuân H không trả nợ cho ngân hàng.

V đã khởi kiện yêu cầu tòa án buộc bà Nguyễn Thị N phải thanh toán cho V số tiền là 1.013.782.616 đồng trong đó gốc là 952.860.650 đồng, tiền lãi, phí, phạt tính đến ngày 17/7/2023 là 60.921.966 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi bà Nguyễn Thị N và ông Cao Xuân Hùng trả hết nợ cho V.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị N không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp đã ký kết, cụ thể là xe ô tô hiệu Hyundai Santafe 2.5, biển kiểm soát *, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 12007070 ngày 21/4/2022 thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị N.

**Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* Năm 2022, bà đã được vay tiền của V, số tiền vay là 1.053.000.000 đồng, lãi suất 9,3 %, có điều chỉnh lãi suất qua từng thời kỳ, thời hạn vay là 96 tháng, có trả lãi, gốc hàng tháng. Để đảm bảo cho khoản vay bà đã thế chấp xe ô tô biển kiểm soát *. Xe này là của bà và chồng là Ông Cao Xuân H. Bà có trả gốc lãi hàng tháng. Nay ngân hàng khởi kiện bà yêu cầu trả nợ và xử lý tài sản thế chấp thì do kinh doanh gặp khó khăn, bà mong ngân hàng cho bà trả dần, về phương án trả nợ bà sẽ cung cấp sau tại buổi hòa giải ngày 27/12/2023. Nếu bà không trả được nợ, ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô thì bà không có ý kiến gì, bà sẽ cố gắng xoay tiền để trả nợ cho ngân hàng không phải bán xe. Các văn bản tố tụng mà tòa án gửi về đều do chồng bà là Ông Cao Xuân H nhận.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Cao Xuân H không hợp tác.* Quá trình thu thập chứng cứ tòa án đã nhiều lần triệu tập Ông Cao Xuân H đến tòa án để viết bản khai nhưng Ông Cao Xuân H vắng mặt không lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết, tổng đạt các văn tố tụng theo quy định.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 27/12/2023, tuy nhiên do vắng mặt bà Nguyễn Thị N và Ông Cao Xuân H nên không hòa giải được. V đã đề nghị Tòa án không tổ chức hòa giải lần 2, đề nghị đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn V yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả tiền gốc là 942.860.650 đồng; tiền lãi tính đến ngày 23/02/2024 là 235.601.952 đồng và lãi, phí phát sinh tính từ ngày 24/02/2024 cho đến khi bà A thanh toán hết nợ cho ngân hàng. Trong trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp đã ký kết, cụ thể là xe ô tô hiệu Hyundai Santafe 2.5, biển kiểm soát *, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 12007070 ngày 21/4/2022 mang tên bà Nguyễn Thị N.

Về chi phí thẩm định là 2.100.000 đồng và tiền án phí bà Nguyễn Thị N phải chịu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật Tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quyền nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn V, cụ thể: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc A phải trả cho V tiền gốc là 942.860.650 đồng; tiền lãi tính đến ngày 23/02/2024 là 235.601.952 đồng và lãi, phí phát sinh tính từ ngày 24/02/2024 cho đến khi bà A thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Trong trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp đã ký kết, cụ thể là xe ô tô hiệu Hyundai Santafe 2.5, biển kiểm soát *, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 12007070 ngày 21/4/2022 mang tên bà Nguyễn Thị N.

Về chi phí thẩm định là 2.100.000 đồng bà Nguyễn Thị N phải chịu theo quy định.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp Ngân sách nhà nước theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Cao Xuân H. Bà Nguyễn Thị N và Ông Cao Xuân H vắng mặt không lý do. Đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ 2, các văn bản tố tụng đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng và các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc một trong những tranh chấp về dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị N và V phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng. Thời điểm ký kết hợp đồng cho vay (sau đây gọi là hợp đồng) vào năm 2022 và thực hiện hợp đồng trong khi Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có hiệu lực. Về hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Tòa án áp dụng Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về lãi suất để giải quyết vụ án.

[4] Về hợp đồng, văn bản 2 bên đương sự đã ký kết: Đối với hợp đồng cho vay số LN2204055516324 ngày 22/4/2022 và phụ lục của hợp đồng số 01 ngày 22/4/2022 đã thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật khi giao kết, V, bà Nguyễn Thị N đều tự nguyện khi ký hợp đồng, các điều khoản của hợp đồng đều phù hợp với các quy định của pháp luật. Nội dung của hợp đồng không trái đạo đức, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Khi ký hợp đồng nêu trên bà Nguyễn Thị N đã trên 18 tuổi, có đủ năng lực hành vi, tự nguyện ký vào hợp đồng để vay tiền ngân hàng. Hình thức của hợp đồng tín dụng, đều phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ các điều 116, 117, 119, 137, 138, 139, 141, 398, 401, 403, 463, 466 Bộ luật dân sự, hợp đồng cho vay là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong những hợp đồng, văn bản nêu trên.

[5] Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng V đã thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể Ngân hàng đã tiến hành giải ngân số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên là 1.053.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N đã sử dụng số tiền vay ngân hàng để mua xe ô tô Santafe. Nhưng sau khi quan hệ tín dụng được một thời gian bà Nguyễn Thị N có biểu hiện vi phạm Hợp đồng tín dụng, chậm thanh toán vốn gốc và lãi cho Ngân hàng nên đã phát sinh nợ quá hạn vào ngày 15/02/2023. Mặc dù V tích cực đôn đốc, tạo mọi điều kiện để bà Nguyễn Thị N xử lý khoản nợ quá hạn, tuy nhiên bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ với khoản nợ vay của mình. Trong lời khai bị đơn bà Nguyễn Thị N đã thừa nhận được vay tiền ngân hàng tuy nhiên do Covid nên kinh doanh khó khăn nên chưa trả nợ được cho V đúng hạn. Tính đến thời điểm mở phiên tòa ngày hôm nay 23/02/2024, bà Nguyễn Thị N vẫn còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 942.860.650 đồng.

[6] Phía bị đơn bà Nguyễn Thị N có ý kiến đề nghị được trả nợ dần, tuy nhiên bà không đưa ra được phương án trả nợ cụ thể. Do vậy ý kiến này của bà Nguyễn Thị N đưa ra là không có căn cứ.

[7] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải thanh toán khoản tiền nợ gốc 942.860.650 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận, buộc bà Nguyễn Thị N phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc cho ngân hàng là 942.860.650 (chín trăm bốn mươi hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn sáu trăm năm mươi) đồng cho V.

[8] Xét yêu cầu của V về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc A trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí tính đến ngày xét xử 23/02/2024 là 235.601.952 đồng Hội đồng xét xử thấy: Theo hợp đồng cho vay các bên đã ký kết thì lãi suất cho vay 9,3%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đối với phần gốc quá hạn, ngoài ra còn có lãi chậm trả và phí. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu tính lãi, phí như trên của ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận tự nguyện của các đương sự được ghi nhận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân tối cao; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, khoản 3, 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước, tại lời khai bà Nguyễn Thị N không có ý kiến thắc mắc về lãi, phí nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho ngân hàng tiền lãi và phí tính đến ngày xét xử 23/02/2024 là 235.601.952 (hai trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm linh một nghìn chín trăm năm mươi hai) đồng.

[9] Kể từ ngày 24/02/2024 cho đến khi thi hành xong, bà Nguyễn Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi, phí của số tiền còn phải thi hành, theo mức lãi suất, phí mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

[10] Xét yêu cầu của V về việc: Trường hợp bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ thì ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô HYUNDAI Santafe; số khung: RLUSW81KDNN034213; số máy: G4KMNA131053; biển kiểm soát: *, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 12007070 ngày 21/4/2022 do phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Lạng Sơn cấp cho bà tên Nguyễn Thị N theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LN2204055516324 ngày 22/4/2022 mà các bên đã ký, Hội đồng xét xử thấy: Thời điểm các đương sự ký kết hợp đồng thế chấp trên đều đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm dân sự, hợp đồng thế chấp có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, các bên đều tự nguyện khi ký hợp đồng, cam kết, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, do đó hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật theo quy định tại các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322 Bộ luật Dân sự và các Điều 9, 10 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ quy định về giao dịch bảo đảm. Theo thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng thế chấp nếu bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp được xử lý để thu hồi nợ. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại các Điều 299, 303, 323, 317, 318, 319 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[11] Bà Nguyễn Thị N có ý kiến bà sẽ cố gắng kiếm tiền để trả cho ngân hàng để ngân hàng không xử lý tài sản thế chấp, tuy nhiên cho đến ngày Tòa án mở phiên tòa hôm nay, bà vẫn chưa thanh toán tiền nợ cho ngân hàng. Do vậy ý kiến này của bà Nguyễn Thị N đưa ra là không có căn cứ.

[12] Tại công văn số 191 ngày 27/11/2023 của Phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Lạng Sơn đã thể hiện: Chiếc xe ô tô Hyundai, biển kiểm sát * chủ xe là bà Nguyễn Thị N.

[13] Vì các căn cứ trên, yêu cầu của Ngân hàng V về việc nếu bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ thì ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô HYUNDAI Santafe; số khung: RLUSW81KDNN034213; số máy: G4KMNA131053; đăng ký ngày 21/4/2022; biển kiểm soát: 12A-18407, chủ xe ô tô mang tên Nguyễn Thị N theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LN2204055516324 ngày 22/4/2022 mà các bên đã ký để thu hồi nợ là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Việc thanh toán tiền có được từ xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo quy định tại Điều 307 Bộ luật Dân sự. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được không đủ trả nợ thì bà Nguyễn Thị N tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả xong khoản vay cho Ngân hàng.

[15] Khi bà Nguyễn Thị N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng V có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 12007070, do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 21/4/2022 mang tên Nguyễn Thị Ngọc A cho bà Nguyễn Ngọc A và Ông Cao Xuân H.

[16] Về chi phí xem xét thẩm định: Chi phí xem xét thẩm định tài sản là 2.100.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn V được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tài sản là 2.100.000 đồng. Do ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tài sản nên buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho V 2.100.000 (hai triệu một trăm nghìn) đồng tiền cho phí xem xét thẩm định tài sản. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

[17] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn V được chấp nhận nên V không phải chịu án phí, trả lại cho V số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[18] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[19] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 116, 117, 119, 137, 138, 139, 141, 299, 303, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 398, 401, 403, 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 16 Điều 4, Điều 91, các Điều 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 9, 10 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ quy định về giao dịch bảo đảm;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 7, 8, 10, 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân tối cao; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V, cụ thể:

1.1 Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N phải thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V khoản tiền nợ gốc và nợ lãi tính

đến ngày 23/02/2024 là 1.178.462.602 (một tỷ một trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm linh hai) đồng, trong đó: Tiền nợ gốc: là 942.860.650 (chín trăm bốn mươi hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn sáu trăm năm mươi) đồng; tiền lãi là 235.601.952 (hai trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm linh một nghìn chín trăm năm mươi hai) đồng theo hợp đồng cho vay số LN2204055516324 ngày 22/4/2022 và phụ lục của hợp đồng số 01 ngày 22/4/2022.

1.2 Kể từ ngày 24/02/2024 cho đến khi thi hành xong, bà Nguyễn Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số LN2204055516324 ngày 22/4/2022 và phụ lục của hợp đồng số 01 ngày 22/4/2022. mà các bên đã ký kết. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Về xử lý tài sản đảm bảo:

2.1 Trong trường hợp bà Nguyễn Thị N không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo của khoản vay để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp tài sản số LN2204055516324 ngày 22/4/2022 đã ký kết, cụ thể là 01 chiếc xe ô tô HYUNDAI Santafe; số khung: RLUSW81KDNN034213; số máy: G4KMNA131053; biển kiểm soát: *, số chỗ ngồi 7, màu sơn đỏ, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 12007070 ngày 21/4/2022 do phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Lạng Sơn cấp cho bà Nguyễn Thị N.

2.2 Việc thanh toán tiền có được từ xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo quy định tại Điều 307 Bộ luật Dân sự. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được không đủ trả nợ thì bà Nguyễn Thị N tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả xong khoản vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

3. Khi bà Nguyễn Thị N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng V có trách nhiệm trả lại giấy đăng ký xe ô tô số 12007070, do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 21/4/2022 mang tên Nguyễn Thị N cho bà Nguyễn Thị N và Ông Cao Xuân H.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng V số tiền 2.100.000 (hai triệu một trăm nghìn) đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tài sản. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

5. Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí án dân sự thẩm có giá ngạch là 47.353.878 (bốn mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi tám) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước. Ngân hàng V không phải chịu án phí. Trả lại Ngân hàng V tiền tạm ứng án phí là 21.207.000 (hai mươi một triệu hai trăm linh bảy nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000132 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Cao Xuân H có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh LS;
- VKSND thành phố Lạng Sơn;
- Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn (khi án có hiệu lực PL);
- Các đương sự;
-
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Thịnh